

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 12 - 2021
V/v L hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao V

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Đ

2. Bà Vũ Thị Thái H

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc “L hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Hồng Q, sinh năm 1987.

Bị đơn: Chị Trần Thị Tr, sinh năm 1992.

Đầu ĐKKHKT: Khu 12, xã Đ, thành phố V, tỉnh P.

(Anh Q có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị Tr vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 07/10/2021 nguyên đơn anh Trần Hồng Q trình bày: Anh và chị Trần Thị Tr có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố V, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng mẹ đẻ anh tại Khu 12, xã Đ. Cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên chị Tr bỏ đi không còn ở với anh và gia đình nữa, vợ chồng sống L thân từ đó đến nay. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên xin L hôn chị Tr để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Trần Diệu L, sinh ngày 25/11/2009, hiện nay đang ở với anh. L hôn, anh xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Tr phải đóng góp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Vợ chồng không có gì, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Trần Thị Tr đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Tr tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V; nhà văn hóa khu 12, xã Đ và trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố V, tỉnh P theo đúng quy định pháp luật.

Do chị Tr không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin của chị Tr thông qua ông Lê Quang Th (là bố dượng chị Tr), trú tại khu 11, xã N, huyện N, tỉnh P, tại bản tự khai ngày 12/10/2021 ông Th cho biết: Ông là bố dượng của chị Tr và nuôi dưỡng, chăm sóc chị Tr từ nhỏ, đứng ra tổ chức, xây dựng gia đình cho chị Tr với anh Trần Hồng Q vào năm 2009. Tuy nhiên, đến năm 2017 thì vợ chồng chị Tr có mâu thuẫn và chị Tr về ở với ông tại khu 11, xã N. Đến năm 2019 thì chị Tr đi làm ăn tự do nhưng không nói cho gia đình biết nơi ở và làm việc mà chỉ liên lạc về qua điện thoại. Con chung của chị Tr và anh Q hiện do anh Q nuôi dưỡng. Nay anh Q xin L hôn chị Tr, quan điểm của ông do các cháu không ở được với nhau thì đề nghị Tòa án giải quyết cho L hôn. Nay Tòa án có đề nghị ông liên lạc và thông báo cho chị Tr biết việc Tòa án đang giải quyết L hôn, ông sẽ cố gắng liên lạc cho chị Tr và thông tin lại cho Tòa án trong thời gian sớm nhất. Tại bản tự khai ngày 19/10/2021 ông Th cho biết: Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án thay cho chị Tr ngày 12/10/2021, ông về có liên lạc cho chị Tr việc Tòa án đang giải quyết L hôn giữa anh Q và chị, chị Tr đã nắm rõ việc anh Q xin L hôn và có nói lại với ông là nhất trí L hôn và để Tòa giải quyết theo pháp luật. Ông có bảo chị Tr gửi cho ông địa chỉ liên lạc để ông cung cấp cho Tòa án nhưng chị không cho địa chỉ, ông cũng bảo chị gửi quan điểm về cho Tòa án nhân dân thành phố V nhưng chị bảo không gửi mà để Tòa giải quyết theo quy định pháp luật. Do vậy, ông cũng đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết vì hai cháu đã L thân từ lâu không còn tình cảm gì. Hiện nay, ông phải đi làm cũng không có thời gian rảnh rỗi, do vậy ông từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhờ ông thông báo cho chị Tr.

Ngày 10/11/2021, Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của Tr được chính quyền địa phương cho biết: Về tình trạng hôn nhân: Anh Trần Hồng Q và chị Trần Thị Tr là công dân của xã và đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 12, xã Đ, thành phố V, tỉnh P. Anh Q, chị Tr là vợ chồng và có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Theo xác minh của Tòa án về việc chị Tr đang ở địa phương hay đã chuyển đi nơi khác, chính quyền địa phương cho biết hiện tại chị Tr vẫn đăng ký hộ khẩu tại khu 12, xã Đ mà chưa thực hiện việc tách khẩu hay chuyển khẩu đi nơi khác. Việc chị Tr đi làm ăn xa không báo chính quyền địa phương nên địa phương không biết việc này. Tuy nhiên, tại khu dân cư thì có thông tin chị Tr hiện nay không ở nhà chồng nữa. Do vậy về quan hệ hôn nhân đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Về con chung: Theo báo cáo về nhân khẩu thì vợ chồng anh Q, chị Tr có 01 con chung là Trần Diệu L, sinh năm 2009. Hiện nay, cháu đang ở với anh Q tại khu 12, xã Đ, thành phố V, tỉnh P.

Tại bản tự khai ngày 07/10/2021, cháu Trần Diệu L con chung của anh Q, chị Tr có nguyện vọng nếu bố, mẹ L hôn không sống cùng nhau nữa thì cháu xin ở với bố Trần Hồng Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; khoản điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 BLTTDS Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hồng Q. Xử cho anh Trần Hồng Q được L hôn chị Trần Thị Tr.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Diệu L, sinh ngày 25/11/2009 cho anh Trần Hồng Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị Trần Thị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Hồng Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “L hôn” giữa nguyên đơn anh Trần Hồng Q và bị đơn chị Trần Thị Tr. Chị Tr có hộ khẩu thường trú tại khu 12, xã Đ, thành phố V, tỉnh P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P là đúng quy định pháp luật.

- Đối với nguyên đơn anh Trần Hồng Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

- Đối với bị đơn chị Trần Thị Tr đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Tr.

[2] Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Hồng Q và chị Trần Thị Tr là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo như anh Q trình bày thì thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị Tr bỏ về nhà bố mẹ ở khu 11, xã N, huyện N, tỉnh P để ở, không quan tâm đến chồng con. Vợ chồng sống L thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Quá trình giải quyết vụ án, tuy không lấy được lời khai của chị

Tr nhưng qua việc xác minh ở khu dân cư nơi chị Tr cư trú và xác minh qua bố dưỡng chị Tr được biết: Vợ chồng anh Q, chị Tr có mâu thuẫn nên từ năm 2017 chị Tr bỏ về nhà bố mẹ để ở và không còn ở nhà chồng nữa, hiện nay chị đi làm ăn tự do chỉ liên lạc về cho bố mẹ và gia đình qua điện thoại, không còn quan tâm chăm sóc cho gia đình, chồng con. Vợ chồng sống L thân từ năm 2017 đến nay. Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị Tr rất trầm trọng, không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin L hôn của anh Q đối với chị Tr là có căn cứ, được chấp nhận cho L hôn.

- Về con chung: Xác định vợ chồng anh Q, chị Tr có 01 con chung là Trần Diệu L, sinh ngày 25/11/2009, hiện nay đang ở với anh Q. L hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Tr phải đóng góp nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay chị Tr không có mặt tại địa phương, cháu L đang ở cùng bố và được bố chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ, nguyện vọng của cháu L nếu bố mẹ L hôn cháu muốn ở cùng bố. Do vậy, cần giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh Q nên không buộc chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Do chị Tr không có lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân của anh Q, chị Tr, Tuy nhiên, L hôn anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí L hôn sơ thẩm: Anh Trần Hồng Q phải chịu án phí L hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Quyết ®Pnh:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Hồng Q được L hôn chị Trần Thị Tr.

2. Về con chung: Xác định anh Q, chị Tr có 01 con chung là Trần Diệu L, sinh ngày 25/11/2009. L hôn, giao con chung cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Chị Tr không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải

quyết.

4. Về án phí L hôn sơ thẩm: Anh Trần Hồng Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí L hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Q đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0009617 ngày 04/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P.

Anh Q, chị Tr vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. V; T P;
- Chi cục THADS TP. V, T. P;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, TP. V, T. P;.
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao V

